

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2022/HS-ST

Ngày: 18/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 85/2022/TB-TA ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn N**, sinh năm 1992 tại TL, H; nơi cư trú: Số 22/350 đường HV, phường S1, quận H1, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N1 và bà Phạm Thị T1; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án: Tại bản án số 23/2018/HSST ngày 05/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố H xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”; ngày 05/01/2020 chấp hành xong thời gian thử thách của án treo; tại bản án số 11/2021/HSST ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân quận K1, thành phố H xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/5/2022 chấp hành xong án phạt tù, ngày 28/6/2021 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 73/2022/HSST ngày 24/8/2022, TAND thành phố U1, tỉnh Q1 xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty cổ phần thể giới di động; địa chỉ: Số 128, Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Hiếu E-Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh T2-Giám đốc bán hàng.

Người được ủy quyền lại: Bà Đỗ Thị Thu H2, sinh năm 1993; trú tại: Khu dân cư Kinh Hạ, phường AL, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Là nhân viên Công ty cổ phần thế giới di động. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N2, chị Hà Thị T2, ông Phạm Văn N3, ông Phạm Văn K1. Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 02/6/2022, Bùi Văn N thuê xe ôm của ông Phạm Văn K1, sinh năm 1961, trú tại: Nam Sơn - An Dương - H đi sang thị xã K mục đích đi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, N và ông K2 đi đến thị xã K vào một quán nước ven đường uống nước. Tại đây N hỏi mượn xe mô tô của ông K2 để đi chơi và bảo ông K2 thuê xe taxi đi về nhà trước, N sẽ trả tiền cho ông K2 sau, ông K2 đồng ý.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, N đi đến khu vực ngã tư PS thuộc khu dân cư PS, phường AL, thị xã K, tỉnh Hải Dương, thì thấy có cửa hàng Thế giới di động, N dựng xe ở bên ngoài rồi đi vào trong cửa hàng, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi vào cửa hàng N gặp chị Đỗ Thị Thu H2. N nói với chị H2 là “*Anh muốn mua một chiếc điện thoại trị giá khoảng từ 15 đến 18 triệu*”. Chị H2 tư vấn cho N mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy S21FE 8Gb/128Gb, màu xanh lá, có giá 12.990.000 đồng, N đồng ý mua. Do tại cửa hàng không còn sản phẩm này nên nhân viên phải đi vào kho lấy, N đi sang quán nước bên ngoài cửa hàng ngồi đợi nhân viên lấy hàng về. Khoảng 20 phút sau chị Nguyễn Thị Quỳnh N2 (là nhân viên của cửa hàng) đi lấy chiếc điện thoại Samsung Galaxy S21FE 8Gb/128Gb, màu xanh lá về, N xem điện thoại và bảo đồng ý mua. Sau đó N bảo chị H2 muốn mua thêm một chiếc điện thoại giá khoảng 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng thì chị H2 tư vấn cho N mua chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A15s, N xem qua và đồng ý mua. Chị H2 để chiếc điện thoại Samsung Galaxy S21FE 8Gb/128Gb, màu xanh lá trên bàn đón khách rồi đi lấy sản phẩm cho N xem. N để chiếc ví da và 01 kính mắt màu đen, gọng bằng kim loại màu đen của N gần chiếc điện thoại Samsung Galaxy S21FE 8Gb/128Gb, rồi tiếp tục bảo chị H2, chị N2 và chị Hà Thị T3 (là nhân viên của cửa hàng) cho xem các sản phẩm khác gồm: 01 đồng hồ điện tử dành cho trẻ em, 01 đồng hồ nữ, 02 tẩu sạc ô tô, 01 loa vi tính, 01 tai nghe chụp đầu, 01 điện thoại đen trắng, 01 củ sạc chính hãng của chiếc điện thoại Samsung Galaxy S21FE, 01 tai nghe không dây. Khi chị H2, chị N2 và Chị T3 đi tìm sản phẩm, ghi hóa đơn mua hàng, N cầm chiếc điện thoại Samsung Galaxy S21FE từ bàn tiếp đón khách đi ra khu vực bàn trưng bày điện thoại ở giữa cửa hàng. N quan sát thấy nhân viên không ai để ý nên đã đút chiếc điện thoại vào túi quần bên phải rồi giả vờ nói chuyện điện thoại với bạn và đi ra ngoài lấy xe mô tô tẩu thoát. N đã bán chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi ở khu vực ngã tư quán Toàn

thuộc thành phố H được số tiền 6.000.000đ. Sau đó N đi về nhà ông K2 trả xe mô tô và trả số tiền 1.200.000đ, số tiền còn lại N đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Cửa hàng Thế giới di động cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 USB chứa tệp video hình ảnh liên quan vụ án. Chị H2 giao nộp 01 kính mắt màu đen, gọng bằng kim loại màu đen; 01 ví da màu đen ở viền ngoài có chữ Boss bằng kim loại màu trắng trong có: 03 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 02 tờ tiền giấy mệnh giá 5.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 79 tờ giấy có in họa tiết giống tờ tiền mệnh giá 100 đô la có chữ ngân hàng địa phủ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36/HĐĐG ngày 22/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự-UBND thị xã K kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung S21Fe màu xanh lá, dung lượng 8Gb, giá mua mới là 12.990.000đ x 100% = 12.990.000đ.

Tại kết luận giám định số 5551 ngày 26/8/2022, Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 05 tệp video gửi giám định. Đã trích xuất hình ảnh đối tượng xuất hiện trong tệp video gửi giám định.

Tại Cáo trạng số: 92/CT-VKSKM ngày 23/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thị xã K, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS), với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 12.990.000đ (*Mười hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND thị xã K giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 56 của BLHS. Xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 30 đến 33 tháng tù, tổng hợp hình phạt 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 73/2022/HSST ngày 24/8/2022, TAND thành phố U1, tỉnh Q1, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 12.990.000đ cho bị hại; về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 43.000đ; tịch thu và tiêu hủy: 01 kính mắt màu đen, 01 ví da màu đen và 79 tờ giấy có in họa tiết giống tờ tiền mệnh giá 100 đô la có chữ ngân hàng địa phủ; lưu hồ sơ 01 USB chứa tệp video hình ảnh liên quan vụ án; bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; công nhận Quyết định truy tố của VKSND thị xã K về tội danh đối với bị cáo là đúng. Bị cáo xác định do muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo hối hận về hành vi của mình và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất; về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại theo giá trị mà Hội đồng định giá đưa ra; về các tài sản, giấy tờ liên quan bị

cáo đề nghị tịch thu phát mại và tiêu hủy; đối với ông Phạm Văn K1 là người lái xe ôm được bị cáo thuê trở sang thị xã K nhưng không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về các hành vi, quyết định tố tụng*: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận giám định, Biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 02/6/2022, tại Cửa hàng thế giới di động, địa chỉ: Khu dân cư PS, phường AL, thị xã K, tỉnh Hải Dương, Bùi Văn N có hành vi lợi dụng sơ hở của nhân viên cửa hàng đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S21Fe, dung lượng 8Gb/128Gb, màu xanh lá, trị giá 12.990.000đ của Cửa hàng Thế giới di động.

[3]. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song với mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện, trị giá tài sản chiếm đoạt là 12.990.000đ; xét nhân thân bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS thì lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND thị xã K đối với bị cáo là có căn cứ.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do vậy, HĐXX thấy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Do tình tiết “tái phạm nguy hiểm” là dấu hiệu định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy

định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; mặc dù trị giá tài sản chiếm đoạt (12.990.000đ) nằm trong khung của khoản 1 nhưng bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 173 BLHS với tình tiết “tái phạm nguy hiểm”, nhưng căn cứ vào nhân thân (3 lần bị kết án, đều về hành vi chiếm đoạt) và tính chất nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, HĐXX không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo.

[7]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. *Về trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung S21Fe màu xanh lá, dung lượng 8Gb, trị giá 12.990.000đ. Chiếc điện thoại này bị cáo đã bán cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi ở khu vực ngã tư Quán Toan thuộc thành phố H. Quá trình điều tra không thu hồi được tài sản. Bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 12.990.000đ cho bị hại.

[9]. *Về xử lý vật chứng*: Đối với 01 kính mắt màu đen, 01 ví da màu đen và số tiền 43.000đ là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, bị cáo tự nguyện sung ngân sách nhà nước và tiêu hủy. Xét 01 kính mắt, 01 ví da và 79 tờ tiền không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy. Nộp ngân sách nhà nước số tiền 43.000đ; đối với 01 USB chứa tệp video hình ảnh liên quan vụ án nên lưu hồ sơ.

[10]. *Về án phí*: Bị cáo bị kết án và phải thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại nên phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Ông Phạm Văn K1 đi cùng Bùi Văn N đến thị xã K, tỉnh Hải Dương và cho N mượn xe mô tô của mình nhưng ông K2 không biết việc Bùi Văn N sử dụng xe của mình để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thị xã K không xem xét xử lý đối với ông K2 và chiếc xe mô tô là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 56 BLHS; điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, các điều 331 và 333 BLTTHS; các điều 584, 589, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, tổng hợp hình phạt 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 73/2022/HSST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố U1, tỉnh Q1, buộc

bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 57 (*Năm mươi bảy*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/6/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty cổ phần thế giới di động, số tiền 12.990.000đ (*Mười hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 43.000đ (*Bốn mươi ba nghìn đồng*). Tịch thu và tiêu hủy: 01 kính mắt màu đen, 01 ví da màu đen, 79 tờ giấy có in họa tiết giống tờ tiền mệnh giá 100 đô la có chữ ngân hàng địa phủ và 01 phong bì niêm phong (*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K ngày 31/10/2022*).

Lưu hồ sơ 01 USB chứa tệp video hình ảnh liên quan vụ án.

5. Về án phí: Xử buộc bị cáo Bùi Văn N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 649.500đ (*Sáu trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã K;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã K;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã K;
- Cơ quan THADS thị xã K;
- Trại giam Q1;
- Hồ sơ nghiệp vụ công an thị xã K;
- Bị cáo, đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huấn